

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 394/2020/DS-PT

Ngày: 28 - 10 - 2020.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hui,  
hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Trung Hiếu.

*Các Thẩm phán:* - Ông Mai Hoàng Khải.

- Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 355/2020/TLPT-DS ngày 01/10/2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hui, hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 29/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 463/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Duy P, sinh năm 1981; (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:**

1. Anh Lương Mộng T, sinh năm 1971; (có mặt)

2. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1969; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

*Người kháng cáo:* Bị đơn Lương Mộng T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Duy P trình bày:**

- Anh P có chơi các dây hui do anh Lương Mộng T và chị Nguyễn Thị D tổ chức cụ thể như sau:

+ Dây thứ nhất hụi 3.000.000 đồng, hụi khai ngày 10/8/2017 (âm lịch) có 32 phần, anh P tham gia 02 phần, đóng được 21 phần, với số tiền là 100.800.000 đồng.

+ Dây thứ hai hụi 3.000.000 đồng, hụi khai ngày 05/01/2017 (âm lịch), có 25 phần, anh P tham gia 02 phần, đã đóng được số tiền là 76.800.000 đồng.

+ Dây thứ 3 hụi 3.000.000 đồng, khai ngày 10/5/2018 (âm lịch), có tổng cộng 28 phần, anh P tham gia 05 phần và đã đóng được 11 lần với số tiền là 132.000.000 đồng.

- Ngoài ra anh T có mượn anh số tiền là 2.400.000 đồng. Đến ngày 10/5/2019, anh T có làm biên nhận nợ cho anh P với số tiền là 312.000.000 đồng (gồm tiền hụi và tiền mượn)

- Anh P còn tham gia dây hụi 3.000.000 đồng do anh T và chị D tổ chức, hụi khai ngày 15/01/2017 (âm lịch), anh P tham gia tổng cộng 03 phần, đóng đến khi mãn hụi là ngày 25/5/2019 nhưng anh P và chị D không giao hụi với số tiền là 256.000.000 đồng. Đồng thời anh T còn mượn anh P số tiền là 19.500.000 đồng. Vì vậy, ngày 30 tháng 5 năm 2019 (âm lịch) anh T có viết biên nhận nợ cho anh P với số tiền tổng cộng là 276.000.000 đồng.

- Ngày 20/01/2019 (âm lịch) anh T mượn anh P 01 lượng vàng 24kr và 02 lượng vàng 18kr hứa 02 tháng sẽ trả lại, nhưng đến nay anh T chưa trả.

Anh P yêu cầu anh T và chị D liên đới trả số tiền là 588.000.000 đồng, 01 lượng vàng 24kr và 02 lượng vàng 18kr, trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

*\* Bị đơn anh Lương Mộng T trình bày:*

Anh T có làm chủ hụi và tổ chức các dây hụi như anh P trình bày. Tổng cộng 04 dây hụi thì anh T còn nợ anh P số tiền hụi tổng cộng là 565.600.000 đồng. Ngoài ra anh còn mượn số tiền và vàng của anh P các lần như sau: Lần thứ nhất mượn 2.400.000 đồng; lần thứ hai 19.500.000 đồng, 01 lượng vàng 24kr, 02 lượng vàng 18kr. Số tiền và vàng này anh T mượn để trả nợ cho các hụi viên khác.

Nay anh P yêu cầu anh T và chị D liên đới trả số tiền là 588.000.000 đồng, 01 lượng vàng 24kr và 02 lượng vàng 18kr, trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật, anh T đồng ý để cá nhân anh T trả số nợ như anh P đã trình bày.

*\* Bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:*

Trước năm 2016, chị D với anh Lương Mộng T có tổ chức hụi chung nhưng từ năm 2016 và sau đó chị không còn tham gia cùng anh T. Nay với yêu cầu khởi kiện của anh P thì chị không đồng ý vì các dây hụi này là do anh T tổ chức chơi riêng, chị không biết. Đối với số tiền và vàng anh T mượn của anh P chị D có biết nhưng đó là do anh T mượn cá nhân để trả tiền nợ hụi của anh T không liên quan gì đến chị. Nay với yêu cầu của nguyên đơn thì chị không đồng ý vì đây là nợ riêng của anh Lương Mộng T.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị D thừa nhận những dây hụi mà anh P chơi là do chị D đứng ra khui hụi (mở hụi) cho anh T, anh đi thu tiền hụi và giao cho các hụi viên như thế nào thì chị không biết. Tiền hoa hồng từ hụi anh T chỉ cho tiền các con chị ăn học, không đưa tiền cho chị nên chị không biết. Vì vậy, nay với yêu cầu của anh P yêu cầu chị liên đới trả số tiền nợ 588.000.000 đồng, 01 lượng vàng 24kr và 02 lượng vàng 18kr thì chị không đồng ý.

\* Bản án số 16/2020/DS-ST ngày 29/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã căn cứ Điều 147, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466, 468, 471 Bộ Luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy P.

Buộc anh Lương Mộng T và chị Nguyễn Thị D liên đới trả cho anh Nguyễn Duy P số tiền hụi là 565.600.000 đồng.

Buộc anh Lương Mộng T và chị Nguyễn Thị D liên đới trả cho anh Nguyễn Duy P số tiền và vàng vay là 135.900.000 đồng.

Kể từ ngày anh Nguyễn Duy P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị D và anh Lương Mộng T chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

\* Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

\* Ngày 13/5/2020, bị đơn anh Lương Mộng T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, yêu cầu cho bản thân anh trả dần số tiền 701.500.000 đồng mỗi tháng 5.000.000 đồng, một năm trả 05 chỉ vàng 24kr.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn anh Lương Mộng T giữ nguyên kháng cáo, chấp nhận trả tiền, vàng cho nguyên đơn theo án sơ thẩm đã tuyên nhưng xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng, đối với vàng trả mỗi năm 05 chỉ cho đến khi hoàn tất. Nguyên đơn anh P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên quyết định tại bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát không bổ sung gì thêm. Về nội dung, Viện kiểm sát cho rằng bị đơn thừa nhận hiện còn nợ tiền hụi, tiền vay và vàng như nguyên đơn yêu cầu. Kháng cáo của bị đơn xin trả dần, yêu cầu này không phù hợp quy

định của pháp luật, không được nguyên đơn chấp nhận, do vậy đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Anh Nguyễn Duy P khởi kiện yêu cầu anh Lương Mộng T và chị Nguyễn Thị D phải trả lại tiền hui + tiền, vàng cho mượn, Tòa sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng góp hui và vay tài sản” là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Sau khi tuyên án sơ thẩm do không đồng ý với kết quả, anh Lương Mộng T kháng cáo. Thời gian và thủ tục được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét tại cấp phúc thẩm.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

Nguyên đơn anh Nguyễn Duy P và anh Lương Mộng T trình bày thống nhất trong năm 2017, 2018 đến năm 2019 anh P có tham gia 04 dây hui do vợ chồng anh T làm chủ. Qua đối chiếu anh T thừa nhận còn thiếu anh P tổng cộng 565.600.000 đồng.

Cùng với khoản tiền hui như trên anh T còn mượn của anh P 21.900.000 đồng, 01 lượng vàng 24k và 02 lượng vàng 18k. Số tiền, vàng này anh T mượn để giao hui cho các hui viên.

Anh Nguyễn Duy P kiện yêu cầu vợ chồng anh T, chị D trả nợ. Hai bị đơn cho rằng đây là nợ riêng của anh T. Tuy nhiên chị D đã thừa nhận trước đây hai vợ chồng có cùng tổ chức nhiều dây hui, đến năm 2016 chị D chỉ hỗ trợ anh T làm hui, chị không có sử dụng tiền có được từ các dây hui có anh P tham gia. Qua xác minh thực tế tại địa phương cũng như lời thừa nhận của vợ chồng anh T, thu nhập chính của gia đình anh T là lợi nhuận từ các dây hui, trong hoạt động hui chị D tổ chức khai hui, anh T gom và giao tiền cho hui viên. Án sơ thẩm buộc anh T cùng vợ là chị D trả tiền cho anh P là có cơ sở. Đối với tiền mượn mục đích để giao hui cho các hui viên được hốt, do đó xác định đây cũng là nợ chung của vợ chồng anh T.

Án sơ thẩm buộc anh T, chị D liên đới trả tiền cho anh P, chị D không kháng cáo. Riêng anh T kháng cáo xin trả dần số tiền hui cũng như tiền vàng vay mượn còn thiếu. Kháng cáo của anh T không phù hợp với quy định của pháp luật, không được anh P chấp nhận. Án sơ thẩm buộc bị đơn trả nợ khi án có hiệu lực là có căn cứ nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn bị xâm phạm.

Mặt khác đối với số tài sản vay mượn gồm có tiền và vàng, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất, cấp sơ thẩm quy ra giá trị bằng tiền tại thời điểm xét

xử án sơ thẩm với số tiền tổng cộng là 135.000.000 đồng, các đương sự không ai kháng cáo, tại phiên tòa phúc thẩm đôi bên thống nhất, chấp nhận việc quy đổi của án sơ thẩm nên không cần thiết phải đặt vấn đề xem xét.

Với thực tế vụ án như trên cùng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Lương Mộng T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lương Mộng T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DSST ngày 29/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466, 468, 471 Bộ Luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy P.

Buộc anh Lương Mộng T và chị Nguyễn Thị D liên đới trả cho anh Nguyễn Duy P số tiền hụi là 565.600.000 đồng.

Buộc anh Lương Mộng T và chị Nguyễn Thị D liên đới trả cho anh Nguyễn Duy P số tiền và vàng vay là 135.900.000 đồng.

Kể từ ngày anh Nguyễn Duy P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị D và anh Lương Mộng T chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Anh Lương Mộng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 49418 ngày 19/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang nên đã nộp xong án phí phúc thẩm.

- Anh Lương Mộng T và chị Nguyễn Thị D phải liên đới chịu 32.060.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại anh Nguyễn Duy P 7.800.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 49313 ngày 17 tháng 01 năm 2020 và số tiền

9.515.750 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 49262 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Trung Hiếu**